TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và bà Trần Thị Yến Nhi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị T** – sinh năm 1994
Địa chỉ: Tổx, ấp y, xã T.L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Minh P** – sinh năm 1991
HKTT: Tổ x, ấp y, xã T.L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T.L, huyện Tân Phú, và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Anh chị chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh P không có trách nhiệm với gia đình, nên từ năm 2021 đến nay anh chị đã ly thân. Chị nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn đối với anh.

- Về nuôi con: Anh chị có các con chung là Trần Thị Ngọc Nh – sinh ngày 23/7/2012 và Trần Văn Phú Q – sinh ngày 06/6/2015. Chị T đồng ý anh P nuôi dưỡng các con chung, tạm thời chị chưa phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Minh P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh chị kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Vợ chồng chung sống có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp nên từ năm 2021 thì anh chị không còn chung sống. Nhận thấy tình cảm vẫn còn nên chị yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

- Về nuôi con: Trường hợp ly hôn, anh yêu cầu nuôi dưỡng các con chung, tạm thời chưa yêu cầu chị cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh P. Về con chung: Giao cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, tạm thời chị T chưa phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản: Các đương sự trình bày không có tài sản chung và nợ chung, nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Trần Minh P có nơi cư trú, sinh sống tại xã T.L, huyện Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Võ Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh P, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự chị T là nguyên đơn và anh P là bị đơn, quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.L, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 30/6/2017; như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh chị đều thừa nhận trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, không thể tự hòa giải đoàn tụ nên đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành giải thích quy định của pháp luật, vận động, hòa giải nhưng chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh P cho rằng còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được những cơ sở, cách thức để các bên có thể đoàn tụ; đồng thời do đương sự vắng mặt nên hòa giải đoàn tụ không thành. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của các đương sự.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị T và anh P đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Anh chị có các con chung là Trần Thị Ngọc Nh – sinh ngày 23/7/2012 và Trần Văn Phú Q – sinh ngày 06/6/2015. Anh chị thỏa thuận giao cho anh P nuôi dưỡng con chung, tạm thời chị T chưa phải cấp dưỡng cho con. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Từ sau khi xảy ra mâu thuẫn, con chung do anh P trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân anh có trách nhiệm chăm sóc, đủ khả năng nuôi dưỡng con chung. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về tài sản: Các đương sự trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T.

- Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị T được ly hôn với anh Trần Minh P.

- Về nuôi con: Giao cho anh Trần Minh P trực tiếp nuôi các con chung Trần Thị Ngọc Nh – sinh ngày 23/7/2012 và Trần Văn Phú Q – sinh ngày 06/6/2015, tạm thời chị T chưa phải cấp dưỡng cho con.

Chị T sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Các đương sự trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003116 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T.L, huyện Tân Phú (Số 44, ngày 30/6/2017) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng